

Phu lục 1:

TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-KTTL ngày tháng năm của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

Ngày cập nhật: Ngày 30 tháng 8 năm 2019

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước (m)			Dung tích		Nhận định công trình
					So với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) thời điểm ngày cập nhật: 30/8/2019	Mức nước thời điểm lần trước ngày 28/8/2019	Chênh lệch	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	
I	Huyện Cư Jút		11.117,000				-	7.545,130	67,87	
1	Hồ Đắk Diêr	Cư Knia	5.501,000	Tự do	-0,70	-0,60	- 0,10	4.620,84	84	An toàn
2	Hồ Đắk Đrông	Đắk Đrông	2.472,000	Van phăng	-1,05	-1,00	- 0,05	1.582,08	64	An toàn
3	Hồ Buôn Bươr	Tầm thảng	298,000	Van phăng	-2,15	-2,15	-	149,000	50	An toàn
4	Hồ Cư Pu	Nam Dong	531,000	Tự do	-3,25	-3,10	- 0,15	185,850	35	An toàn
5	Hồ Tiểu khu 839	Đắk Wil	216,000	Tự do	0,00	0,00	-	216,000	100	An toàn
6	Hồ Tiểu khu 840	Đắk Wil	633,000	Tự do	0,00	0,03	- 0,03	633,00	100	An toàn
7	Hồ Ea Diêr	Đắk Đrông	316,000	Tự do	-2,70	-2,40	- 0,30	66,36	21	An toàn
8	Hồ Trúc Sơn	Trúc Sơn	1.150,000	Van phăng	-5,75	-5,85	0,10	92,00	8	An toàn
II	Huyện Krông Nô		23.124,100					18.427,866	79,69	
1	Hồ Buôn Dong	Quảng Phú	211,000	Tự do	-0,50	-1,00	0,50	187,790	89	An toàn
2	Hồ Buôn Lang	Quảng Phú	369,100	Tự do	-4,20	-5,00	0,80	95,966	26	An toàn
3	Hồ Đắk Nang	Đắk Nang	3.600,000	Tự do	0,03	0,03	-	3.600,000	100	An toàn
4	Hồ Đắk Mhang	Nam Nung	657,000	Tự do	0,07	0,06	0,01	657,000	100	An toàn
5	Hồ Buôn R'cấp	Nam Nung	599,000	Tự do	0,08	0,08	-	599,000	100	An toàn
6	Hồ Đắk Viêng	Nam Nung	1.021,000		-1,00	-1,05	0,05	929,110	91	An toàn
7	Hồ Đắk Pok	Năm N'Dir	856,000	Tự do	0,01	0,01	-	856,000	100	An toàn
8	Hồ Đắk Hou	Năm N'Dir	637,000	Tự do	0,03	0,03	-	637,000	100	An toàn
9	Đắk Rô	Đắk Đrô	12.510,000	Van thủy lực	-5,00	-5,20	0,20	8.202,000	66	An toàn
10	Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)	Nam Đà	2.664,000	Tự do	0,15	0,15	-	2.664,000	100	An toàn
11	Hồ Đắk Tân	T.T. Đắk Mâm	28,200	Tràn giếng	0,10	0,05	0,05	28,200	100	An toàn
12	Hồ Đắk Ri	Tân Thành	385,000	Tự do	-0,60	-0,70	0,10	365,750	95	An toàn
13	Hồ Đắk Ri 2	Tân Thành	-		-1,50	-1,50	-			An toàn
III	Huyện Đắk Mil		31.656,650					24.311,939	76,80	
1	Hồ Đắk Săk	Đức Minh	211,000	Tự do	-3,87	-4,04	0,17	101,280	48	An toàn
2	Hồ Tây	T.T. Đắk Mil	369,100	Tự do	-1,00	-1,04	0,04	258,370	70	An toàn
3	Hồ Vạn Xuân	T.T. Đắk Mil	3.600,000	Tự do	-1,00	-1,70	0,70	1.836,000	51	So với đáy cống
4	Hồ Núi lửa	Thuận An	657,000	Tự do	-2,80	-2,90	0,10	131,400	20	An toàn
5	Đập Đắk Puer	Thuận An	599,000	Cửa van	-1,15	-1,55	0,40	395,340	66	An toàn
6	Đập Đắk Goun thượng	Thuận An	1.021,000	Cửa van	-1,25	-1,28	0,03	673,860	66	An toàn
7	Đập Yok Lom	Thuận An	856,000	Tự do	-1,80	-1,82	0,02	547,840	64	An toàn
8	Đập Sapa	Thuận An	637,000	Tự do	-0,10	-0,10	-	592,410	93	An toàn
9	Hồ Bu Đắk	Thuận An	12.510,000	Tự do	0,02	0,01	0,01	12.510,000	100	An toàn
10	Hồ Nông trường Thuận An	Thuận An	2.664,000	Tự do				186,480	7	Đang thi công
11	Hồ Lâm trường Thuận An	Thuận An	28,200	Tự do	-0,30	-0,48	0,18	25,944	92	An toàn
12	Hồ Đội 2	Thuận An	385,000	Tự do	0,14	0,10	0,04	385,000	100	An toàn
13	Đập ông Truyền	Đức Minh	-	Tự do						Đang thi công
14	Đập Ông Hiền	Đức Minh	156,000	Tự do				18,720	12	Đang thi công
15	Hồ Jun Juh	Đức Minh	619,000	Cửa van	-1,00	-1,20	0,20	315,690	51	An toàn
16	Hồ Đắk NĐrôt	Đắk N'DRôt	228,000	Tự do	0,05	0,04	0,01	228,000	100	An toàn
17	Hồ Đắk Rla	Đắk N'DRôt	654,000	Tự do				117,720	18	Đang thi công
18	Công trình Đắk Goun	Đắk N'DRôt	219,000	Cửa van	-1,10	-1,10	-	137,97	63	An toàn
19	Hồ Đắk Sai	Đắk Lao	151,000	Cửa van	-1,15	-1,17	0,02	108,720	72	An toàn
20	Hồ Đắk Mбай	Đắk Lao	121,000	Cửa van	-1,16	-1,16	-	59,290	49	An toàn
21	Hồ Đắk Louu	Đắk Lao	350,000	Tự do	0,30	0,25	0,05	350,000	100	An toàn
22	Hồ Đắk Ken (6B)	Đắk Lao	430,000	Tự do	0,02	0,01	0,01	430,000	100	An toàn
23	Công trình Đô Ry I	Đắk Rla	292,000	Cửa van	-0,95	-0,98	0,03	239,440	82	An toàn
24	CTTL Đô Ry II	Đắk Rla	742,000	Cửa van	-1,20	-1,20	-	638,120	86	An toàn
25	Công trình Đắk Láp	Đắk Găn	170,000	Tự do	0,01	0,01	-	170,000	100	An toàn
26	Hồ Đắk Găn	Đắk Găn	62,000	Tự do	0,00	0,00	-	62,000	100	An toàn
27	Đập Thọ Hoàng	Đắk Săk	100,000	Tự do	0,05	0,04	0,01	100,000	100	An toàn
28	Hồ E29	Đắk Săk	669,000	Tự do	0,03	0,02	0,01	669,000	100	An toàn
29	Hồ Mạnh Tiến	Đức Mạnh	163,000	Cửa van	-0,98	-0,99	0,01	60,310	37	An toàn
30	Hồ Thác Hôn	Đức Mạnh	774,000	Tự do	0,04	0,03	0,01	774,000	100	An toàn
31	Hồ Đội 1	Đắk Lao	600,000	Tự do	0,15	0,10	0,05	600,000	100	Nguy cơ mất an toàn
32	Hồ Đội 35	Đắk Lao	110,000	Tự do	0,23	0,20	0,03	110,000	100	An toàn
33	Hồ Đội 40	Đắk Lao	102,000	Tự do	0,03	0,02	0,01	102,000	100	An toàn
34	Hồ Bắc Sơn I	Đắk Găn	1.286,600	Tự do	0,01	0,00	0,01	1.286,600	100	An toàn
35	Hồ Đội 3	Đức Mạnh	7,500	Tự do	0,05	0,05	-	7,500	100	An toàn
36	Hồ Ông Đăng	Đức Mạnh	15,750	Tự do	-0,05	-0,10	0,05	15,435	98	An toàn
37	Hồ Đội 4	Thuận An	15,000	Tự do	-0,20	-0,03	- 0,17	13,050	87	An toàn
38	Hồ Tăng Gia	Đắk Lao	82,500	Van phăng	-1,02	-1,05	0,03	54,450	66	An toàn
39	Đập HTX Mạnh Thắng (Y ren)	Đức Mạnh		Tự do	0,05	0,03	0,02			An toàn
40	Đập Ông Hứa	Đức Mạnh		Tự do	0,03	0,01	0,02			An toàn
IV	Huyện Đắk Song		13.438,000					12.721,240	94,67	
1	Hồ Sinh Muống	Thuận Hạnh	1.431,000	Tự do	0,06	0,06	-	1.431,000	100	An toàn
2	Hồ Đắk Kuăl	Đắk NĐrưng	1.261,000	Van phăng	0,12	0,07	0,05	1.261,000	100	An toàn
3	Hồ Cư Prông	Đắk Mol	115,000	Tràn giếng	-0,95	-0,95	-	93,150	81	An toàn
4	Hồ Đắk Mol	Đắk Mol	759,000	Tự do	0,10	0,10	-	759,000	100	An toàn
5	Hồ Đắk Mruống	T.T. Đức An	189,000	Tràn giếng	0,03	0,03	-	189,000	100	An toàn
6	Hồ Suối Đá	Đắk N'DRưng	600,000	Tự do	-1,60	-2,00	0,40	330,000	55	An toàn
7	Hồ Thôn 7 (Bu Bong)	Đắk N'DRưng	120,000	Tự do	-2,00	-2,00	-	39,600	33	An toàn
8	Hồ Đắk Mrung	Thuận Hạnh	480,000	Tự do	0,05	0,05	-	480,000	100	An toàn

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước (m)			Dung tích		Nhận định công trình
					So với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) thời điểm ngày cập nhật: 30/8/2019	Mức nước thời điểm lần trước ngày 28/8/2019	Chênh lệch	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	
9	Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)	Trường Xuân	550,000	Tràn giềng	0,00	0,00	-	550,000	100	Nguy cơ mất an toàn
10	Hồ Đăk Rlon	TT Đức An	908,000	Van phăng	-0,15	-0,15	-	889,840	98	An toàn
11	Hồ Đăk Lép	Năm N'Jang	674,000	Tự do	-0,10	-0,30	0,20	660,520	98	An toàn
12	Thủy lợi Hồ Năm N'Jang	Năm N'Jang	564,000	Van phăng	0,05	0,05	-	564,000	100	An toàn
13	Hồ Đăk Pông Bê	Đăk N'DRung	749,000	Tự do	0,00	0,03	- 0,03	749,000	100	An toàn
14	Hồ Thôn 5	Đăk N'DRung	253,000	Van phăng	0,15	0,10	0,05	253,000	100	An toàn
15	Hồ Thôn 2	Đăk N'DRung	145,000	Tự do	0,20	0,17	0,03	145,000	100	An toàn
16	Hồ Thuận Tân	Thuận Hạnh	290,000	Tự do	0,02	0,02	-	290,000	100	An toàn
17	Hồ Thuận Thành	Thuận Hạnh	743,000	Van phăng	-0,05	-0,15	0,10	735,570	99	An toàn
18	Hồ Thôn 3	Trường Xuân	250,000	Tự do	0,05	0,05	-	250,000	100	An toàn
19	Đập Đăk Nhai	Trường Xuân	1.065,000	Tự do	0,05	0,05	-	1.065,000	100	An toàn
20	CTTL Đăk Cai	Trường Xuân	274,000	Tự do	-0,02	-0,02	-	271,260	99	An toàn
21	Hồ Đăk Toa	Thuận Hà	2.018,000	Tự do	-0,90	-1,10	0,20	1.715,300	85	An toàn
22	Đập Xơ Re	Đăk N'DRung	#REF!	Tự do	-0,60	-0,60	-			Nguy cơ mất an toàn
23	Hồ Xu Đăng (Dâng Dri)	Đăk N'DRung	#REF!	Tự do	0,10	0,05	0,05			Nguy cơ mất an toàn
24	Hồ Đăk Kual 5	Đăk N'DRung	#REF!	Tự do	0,15	0,19	- 0,04			Nguy cơ mất an toàn
25	Hồ 661	Thuận Hạnh	#REF!	Tự do	0,10	0,10	-			Nhận định an toàn
26	Đập Thôn 10	Đăk N'DRung	#REF!							Nhận định an toàn
V	Thị xã Gia Nghĩa		7.831,000					7.796,500	99,56	
1	Hồ Nam Dạ	Đăk Nia	1.082,000	Tự do	0,10	0,10	-	1.082,000	100	An toàn
2	Hồ Chế Biên	Đăk Nia	690,000	Tự do	0,15	0,15	-	655,50	95	An toàn
3	Hồ Fai Koi Pru Đàng	Đăk Nia	501,000	Tự do	0,10	0,08	0,02	501,00	100	An toàn
4	Hồ Đăk Noh (Đăk Đố)	Đăk Nia	427,000	Tự do	0,07	0,07	-	427,000	100	An toàn
5	Hồ Đăk Cút	Đăk Nia	790,000	Tự do	0,05	0,05	-	790,000	100	An toàn
6	Hồ Thôn 2B	Đăk Nia	413,000	Tự do	0,05	0,02	0,03	413,00	100	An toàn
7	Hồ Đăk Rial	Đăk Nia	306,000	Tự do	0,05	0,05	-	306,000	100	An toàn
8	Hồ Rẫy Mới	Quảng Thành	575,000	Tự do	0,10	0,08	0,02	575,000	100	An toàn
9	Hồ Tân Hiệp 1	Đăk R'moan	775,000	Tự do	0,20	0,15	0,05	775,000	100	An toàn
10	Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú	Nghĩa Phú	69,000	Tự do	0,40	0,30	0,10	69,000	100	An toàn
11	Hồ Sinh Ba	Nghĩa Trung	604,000	Van phăng	0,22	0,22	-	604,000	100	An toàn
12	Hồ Tổ 5	Nghĩa Trung	650,000	Tự do	0,15	0,15	-	650,000	100	An toàn
13	Hồ Tổ 6	Nghĩa Trung	305,000	Tự do	0,05	0,04	0,01	305,000	100	An toàn
14	Hồ Đăk Nút	Nghĩa Đức	644,000	Tự do	0,05	0,05	-	644,000	100	An toàn
15	Hồ thủy lợi Tổ 3	Nghĩa Phú	-	Tự do	0,15	0,15	-			An toàn
VI	Huyện Đăk GLong		14.695,000				-	14.250,850	96,98	
1	Hồ Thủy Điện	Quảng Sơn	1.200,000	Tự do	0,28	0,28	-	1.200,000	100	An toàn
2	Hồ Công ty 847	Quảng Sơn	1.098,000	Tự do	0,06	0,06	-	1.098,000	100	An toàn
3	Hồ Đeo 52	Quảng Sơn	240,000	Tự do	-2,70	-2,70	-	91,20	38	An toàn
4	Hồ Đăk Snao 1 (Hồ 882A)	Quảng Sơn	620,000	Tự do	0,05	0,05	-	620,000	100	An toàn
5	Hồ Đăk Snao 2 (Hồ 882B)	Quảng Sơn	143,000	Tự do	0,03	0,03	-	143,000	100	An toàn
6	Hồ Đăk Snao 3	Quảng Sơn	710,000	Tự do	0,02	0,02	-	710,000	100	An toàn
7	Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar	Quảng Sơn	626,000	Tự do	0,05	0,05	-	626,000	100	An toàn
8	Hồ Đăk N'der 2	Quảng Sơn	487,000	Tự do	0,15	0,15	-	487,000	100	An toàn
9	Hồ Km 41	Quảng Sơn	370,000	Tự do	0,10	0,10	-	370,000	100	An toàn
10	Hồ Ba Trong	Quảng Sơn	260,000	Tự do	0,15	0,15	-	260,000	100	An toàn
11	Thôn 2	Quảng Sơn		Tự do	0,10	0,10	-			An toàn
12	Thôn 3B	Quảng Sơn		Tự do	0,20	0,20	-			An toàn
13	Thôn 3A + 3B	Quảng Sơn		Tự do	0,05	0,05	-			An toàn
14	Đăk Pin	Quảng Sơn		Tự do	0,60	0,60	-			An toàn
15	Đăk Spin	Quảng Sơn		Tràn giềng	-1,00	-1,00	-			An toàn
16	Hồ Đăk Hlang	Quảng Khê	544,000	Tự do	0,07	0,07	-	544,000	100	An toàn
17	Hồ Trường Học	Quảng Khê	215,000	Tự do	0,14	0,14	-	215,000	100	An toàn
18	Hồ Nao Ma A	Quảng Khê	569,000	Tự do	0,06	0,06	-	569,000	100	An toàn
19	Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đoi)	Quảng Khê	413,000	Tự do	0,05	0,05	-	413,000	100	An toàn
20	Hồ Thôn 4	Quảng Khê	356,000	Tự do	0,04	0,04	-	356,000	100	An toàn
21	Hồ Đăk Srê	Quảng Khê	902,000	Tự do	0,22	0,22	-	902,000	100	An toàn
22	Hồ Thôn 3	Quảng Khê	250,000	Tự do	0,07	0,07	-	250,000	100	An toàn
23	Hồ Đăk N'jer	Quảng Khê	414,000	Tự do	0,02	0,02	-	414,000	100	An toàn
24	Hồ Bas Rai	Quảng Khê	750,000	Tự do	-0,92	-0,92	-	675,000	90	An toàn
25	Cầu đường	Quảng Khê		Tự do	0,02	0,02	-			An toàn
26	Đăk Mbuoch	Quảng Khê		Tự do	0,03	0,03	-			An toàn
27	Lâm trường (Thôn 5)	Quảng Khê		Tự do	0,13	0,13	-			An toàn
28	Hồ Bi Zê Rê	Đăk Som	390,000	Tự do	0,01	0,01	-	386,10	99	An toàn
29	Hồ B'Dong	Đăk Som	520,000	Tự do	0,04	0,04	-	520,000	100	An toàn
30	Hồ thôn 5 (Đăk Som)	Đăk Som	253,000	Tự do	-2,60	-2,60	-	139,15	55	An toàn
31	Hồ Chum Ia	Đăk Som	700,000	Tự do	0,08	0,08	-	700,000	100	An toàn
32	Bon B'srê B	Đăk Som		Tự do	0,07	0,07	-			An toàn
33	Hồ Thôn 1	Đăk Ha	72,000	Tự do	0,07	0,07	-	72,000	100	An toàn
34	Hồ Đăk Bông	Đăk Ha	170,000	Tự do	0,07	0,07	-	170,000	100	An toàn
35	Hồ Đăk Ha	Đăk Ha	689,000	Tự do	0,07	0,07	-	689,000	100	An toàn
36	Hồ Đăk R'Tiêng	Đăk Ha	169,000	Tự do	0,04	0,04	-	169,000	100	An toàn
37	Hồ Trảng Bạ	Đăk Ha	270,000	Tự do	-1,00	-1,00	-	167,40	62	An toàn
38	Ea Nung	Đăk Ha		Tự do	0,05	0,05	-			An toàn
39	Đăk Pruh	Đăk Ha		Tự do	0,05	0,05	-			An toàn
40	Hồ Đăk Snao	Đăk R'măng	595,000	Tự do	0,06	0,06	-	595,000	100	An toàn
41	Hồ Đa Hạng Lang	Đăk R'măng	700,000	Tự do	0,02	0,02	-	700,000	100	An toàn
42	Số 1	Đăk P'lao		Tự do	0,03	0,03	-			An toàn
43	Số 2 (Đăk P'lao)	Đăk P'lao		Tự do	0,04	0,04	-			An toàn
44	Số 3	Đăk P'lao		Tự do	0,06	0,06	-			An toàn
45	Thôn 2	Đăk P'lao		Tràn giềng	0,05	0,05	-			An toàn
VII	Huyện Đăk RLấp		27.897,000					27.314,810	97,91	
1	Hồ Đăk Blao	TT Kiến Đức	264,000	Tự do	0,20	0,20	-	264,000	100	An toàn
2	Hồ Đa Dung	TT Kiến Đức	289,000	Tự do	0,15	0,15	-	289,000	100	An toàn
3	Hồ Sa Đa Co	Quảng Tín	300,000	Tự do	0,35	0,35	-	300,000	100	An toàn
4	Hồ Thôn 9	Quảng Tín	527,000	Tự do	0,10	0,10	-	527,000	100	An toàn
5	Hồ Đăk Xá	Quảng Tín	408,000	Tự do	0,15	0,15	-	408,000	100	An toàn
6	Thủy lợi Bàu Muối	Nhân Đạo	1.184,000	Tự do	-0,15	-0,15	-	1.160,320	98	An toàn

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước (m)			Dung tích		Nhận định công trình
					So với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) thời điểm ngày cập nhật: 30/8/2019	Mức nước thời điểm lần trước ngày 28/8/2019	Chênh lệch	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	
7	Hồ Đắk Nêr	Nhân Đạo	990,000	Tự do	0,15	0,15	-	990,000	100	An toàn
8	Hồ Đắk R'Mur	Nhân Đạo	971,000	Tự do	0,25	0,25	-	971,000	100	An toàn
9	Hồ Đắk R'Sung	Nhân Đạo	651,000	Tự do	0,15	0,15	-	651,000	100	An toàn
10	Hồ Bon Pi Nao	Nhân Đạo	917,000	Tự do	0,10	0,10	-	917,000	100	An toàn
11	Hồ Nhân Cơ	Nhân Cơ	1.104,000	Cửa van	-0,80	-0,80	-	938,400	85	An toàn
12	Hồ Thôn 11	Nhân Cơ	461,000	Tự do	0,05	0,05	-	461,000	100	An toàn
13	Hồ Thôn 12	Nhân Cơ	403,000	Tự do	0,05	0,05	-	403,000	100	An toàn
14	Hồ Cầu Tư	Nghĩa Thắng	8.090,000	Tự do	0,05	0,05	-	8.090,000	100	An toàn
15	Hồ Đắk R'Tang	Kiến Thành	1.520,000	Tự do	0,25	0,25	-	1.520,000	100	An toàn
16	Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)	Kiến Thành	610,000	Tự do	0,15	0,15	-	610,000	100	An toàn
17	Hồ Đắk Jeng Tung	Kiến Thành	118,000	Cửa van	-0,70	-0,70	-	88,500	75	An toàn
18	Hồ Đắk Tát	Hưng Bình	733,000	Tự do	0,20	0,20	-	733,000	100	An toàn
19	Đập thôn 8 Đắk Sin	Hưng Bình	418,000	Cửa van	-0,80	-0,80	-	309,320	74	An toàn
20	Đập Quảng Lộc	Đạo Nghĩa	1.103,000	Tự do	0,03	0,03	-	1.103,000	100	An toàn
21	Hồ Đắk Cồn	Đạo Nghĩa	728,000	Tự do	0,05	0,05	-	728,000	100	An toàn
22	Đập Đắk Krung	Đắk Wer	532,000	Tự do	0,10	0,10	-	532,000	100	An toàn
23	Hồ Thôn 2 (Đắk Sin)	Đắk Sin	1.213,000	Cửa van	-0,90	-0,90	-	958,270	79	An toàn
24	Hồ Đắk Sinh (Hồ Thôn 5)	Đắk Sin	959,000	Tự do	0,20	0,20	-	959,000	100	An toàn
25	Hồ Thôn 5	Đắk Sin	253,000	Tự do	0,10	0,10	-	253,000	100	An toàn
26	Đập Thôn 5 (Đắk Sin)	Đắk Sin	745,000	Tự do	0,05	0,05	-	745,000	100	An toàn
27	Hồ Đắk Sin	Đắk Sin	624,000	Tự do	0,05	0,05	-	624,000	100	An toàn
28	Hồ Đắk Ru I	Đắk Ru	684,000	Tự do	0,10	0,10	-	684,000	100	An toàn
29	Hồ Đắk Ru II	Đắk Ru	459,000	Tự do	0,30	0,30	-	459,000	100	An toàn
30	Hồ Thôn 2	Quảng Tín	145,000	Tự do	0,20	0,20	-	145,000	100	An toàn
31	Hồ Số 3	Nhân Cơ	-	Tự do			-			Đang thi công
32	Hồ Bu Ja Rá □	Nghĩa Thắng	494,000	Tự do	0,17	0,17	-	494,000	100	An toàn
VIII	Huyện Tuy Đức		12.930,000					12.903,300	99,79	
1	Hồ Đắk R'Tih	Đắk R'Tih	1.808,000	Tự do	0,15	0,16	- 0,01	1.808,000	100	An toàn
2	Hồ Đắk Buk So	Đắk Buk Sor	1.120,000	Tự do	0,19	0,19	-	1.120,000	100	An toàn
3	Hồ Đắk Ría	Đắk R'Tih	1.049,000	Tự do	0,08	0,07	0,01	1.049,000	100	An toàn
4	Hồ Đắk Ké	Quảng Trục	313,000	Tự do	0,12	0,09	0,03	313,000	100	An toàn
5	Hồ Đắk Huyết	Quảng Trục	55,000	Tự do	0,10	0,05		55,000	100	An toàn
6	Hồ Đắk Biêng	Đắk R'Tih	115,000	Cửa van	0,25	0,25	-	115,000	100	An toàn
7	Đập Bon Đắk Bu Lum	Quảng Trục	138,000	Tự do	0,13	0,08	0,05	138,000	100	An toàn
8	Hồ Đắk Ké 2	Quảng Trục	404,000	Tự do	0,10	0,05	0,05	404,000	100	An toàn
9	Hồ Thôn 2 (Pu Prăng)	Quảng Trục	133,000	Tự do	0,10	0,06	0,04	133,000	100	An toàn
10	Hồ Doãn Văn	Đắk R'Tih	915,000	Tự do	0,18	0,16	0,02	915,000	100	An toàn
11	Đập Đắk Bu R'ley	Đắk R'Tih	125,000	Tự do	0,05	0,05	-	125,000	100	An toàn
12	Hồ Đắk BLung	Đắk Buk Sor	562,000	Tự do	0,10	0,09	0,01	562,000	100	An toàn
13	Đập Đắk Glun 1	Đắk Ngo	461,000	Tự do	0,07	0,03	0,04	461,000	100	An toàn
14	Đập Đắk Glun 2	Đắk Ngo	461,000	Tự do	0,09	0,05	0,04	461,000	100	An toàn
15	Đập Đắk Glun 3	Đắk Ngo	563,000	Tự do	0,06	0,02	0,04	563,000	100	An toàn
16	Đập Đắk R'Ma	Đắk Buk Sor	263,000	Tự do	0,17	0,15	0,02	263,000	100	An toàn
17	Đập Đắk Huyết 4	Quảng Trục	378,000	Tự do	0,10	0,05	0,05	378,000	100	An toàn
18	Đập D2	Quảng Trục	789,000	Tự do	0,10	0,05	0,05	789,000	100	An toàn
19	Hồ Số 1	Đắk Ngo	824,000	Tự do	0,05	0,00	0,05	824,000	100	An toàn
20	Hồ Số 2 (Đắk Ngo)	Đắk Ngo	426,000	Tự do	0,14	0,09	0,05	426,000	100	An toàn
21	Hồ Số 3	Đắk Ngo	383,000	Tự do	0,22	0,18	0,04	383,000	100	An toàn
22	Hồ Số 4	Đắk Ngo	310,000	Tự do	0,08	0,04	0,04	310,000	100	An toàn
23	Hồ Đắk Tiên Tranh	Đắk Buk So	1.335,000	Tự do	0,07	0,05	0,02	1.308,300	98	An toàn
24	Hồ Đắk Ngo	Đắk Ngo			0,03	-0,05				An toàn
25	Đập bon Pu PRăng	Quảng Trục			0,10	0,06	0,04			An toàn
26	Đập D1	Quảng Trục			0,10	0,06	0,04			An toàn
27	Hồ Đắk Zên	Quảng Trục			0,14	0,10	0,04			An toàn
28	Hồ Thôn 2	Quảng Tâm			0,15	0,12	0,03			An toàn
207	TỔNG CỘNG:		142.688,750					125.271,635	87,79	